SẮC LỆNH CỦA NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ MOUNTAIN VIEW BỔ SUNG CHƯƠNG 43 VÀO BỘ LUẬT THÀNH PHỐ MOUNTAIN VIEW VỀ THUẾ KINH DOANH CẦN SA

NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ MOUNTAIN VIEW RA SẮC LỆNH NHƯ SAU:

Đoạn 1. Chương 4.3 được thêm vào Bộ Luật Thành Phố Mountain View như sau:

"CHƯƠNG 43

SẮC LỆNH THUẾ KINH DOANH CẦN SA

Đoạn 43.1. Tên.

Chương này được gọi, trích dẫn và có tên là Thuế Kinh Doanh Cần Sa.

SEC. 43.2. Mục đích.

Thuế Kinh Doanh Cần Sa là thuế tổng quát được ban hành chỉ cho các mục đích thu nhập tổng quát không giới hạn, và không dành cho các mục đích cụ thể. Tất cả thu nhập từ thuế theo chương này phải được đưa vào quỹ tổng quát của thành phố và sử dụng cho mục đích hợp pháp của thành phố.

ĐOẠN 43.3. Các định nghĩa.

Các định nghĩa sau sẽ áp dụng đối với chương này:

a. "**Cần sa"** (cannabis) nghĩa là tất cả bộ phận của cây *Cần Sa sativa Linnaeus*, *Cannabis indica* hoặc *Cannabis ruderalis*, hoặc bất kỳ giống hoặc loài nào khác của Cần Sa có thể có hoặc được phát hiện hoặc phát triển sau này có thuộc tính y tế hoặc tác động thần kinh, cho dù cây có phát triển hay không, bao gồm cả hạt của những cây đó. "Cần sa" cũng có nghĩa là cần sa như được định nghĩa trong tiểu phần (f), Đoạn 26001, Bộ Luật Ngành Nghề và Kinh Doanh, Đoạn 11018 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn và luật tiểu bang khác. Cho các mục đích của chương này "cannabis" và "marijuana" sẽ được sử dụng thay cho nhau.

b. "**Phụ kiện cần sa**" là các thiết bị được thiết kế để hỗ trợ cho việc sử dụng hoặc tiêu dùng Cần Sa hoặc sản phẩm Cần Sa, nhưng không bao gồm tất cả hay một phần của cần sa hay sản phẩm cần sa, và bao gồm "sản phẩm cần sa" như được định nghĩa trong Đoạn 11018.2 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn và luật tiểu bang khác.

c. "**Thương nghiệp/Kinh doanh cần sa**" nghĩa là hoạt động của bất kỳ cá nhân tự nhiên hoặc hợp pháp, thương nghiệp hay tổ chức nào trong thành phố liên quan đến cần sa, bao gồm nhưng không hạn chế bởi canh tác (bao gồm vườn ươm), vận chuyển, phân phối, sản xuất, tích lũy, chuyển đổi, chế biến, sơ chế, kiểm tra, lưu trữ, đóng gói, giao nhận và bán (bao gồm cả bán buôn và bán lẻ) cần sa, sản phẩm cần sa hoặc phụ kiện để sử dụng cần sa hay sản phẩm cần sa, cho dù được thực hiện cho mục đích lợi nhuận hay bất vụ lợi, cho dù để phục vụ giải trí hay y tế, và cho dù hoạt động kinh doanh đó đã được tiểu bang cấp phép hay chưa. Kinh doanh cần sa không bao gồm các hoạt động mà mối liên quan duy nhất của hoạt động đó với cần sa hay sản phẩm cần sa là sản xuất hoặc bán phụ kiện cần sa.

d. "**Sản phẩm cần sa**" có nghĩa là bất kỳ sản phẩm nào chứa cần sa hay dẫn xuất của cần sa, bao gồm nhưng không hạn chế bởi hoa, nụ, tinh dầu, mùi hương, chất cô đặc, chiết xuất, phần ăn được và sản phẩm được mô tả trong Đoạn 11018.1 của Bộ Luật Sức Khỏe và An Toàn.

e. "**Giao nhận"** nghĩa là đưa cần sa hoặc sản phẩm cần sa đến cho khách hàng hoặc người chăm sóc tại một địa điểm không phải là trạm phát thuốc.

f. "**Trạm phát thuốc"** nghĩa là một địa điểm mà tại đó cần sa, sản phẩm cần sa hoặc phụ kiện sử dụng cần sa hay sản phẩm cần sa được cung cấp riêng hay kết hợp để bán lẻ, bao gồm cả cơ sở thực hiện hoạt động giao nhận.

g. "**Nhà phân phối"** có nghĩa là người tham gia thu mua cần sa và/hoặc sản phẩm cần sa để bán cho trạm phát thuốc hoặc điểm bán lẻ khác. "Phân phối" nghĩa là tham gia vào hoạt động đó và "cơ sở phân phối" là bất kỳ bất động sản nào, cho dù đã được cải tạo hay chưa, được sử dụng để thực hiện hoạt động đó.

h. "**Tổng thu nhập,**" trừ khi được quy định theo cách khác, có nghĩa là tổng số tiền thực sự thu hay có thể thu được từ tất cả hoạt động bán hàng; tổng số tiền hoặc thù lao thực sự nhận hay có thể nhận được do bất cứ một hành động hay dịch vụ nào, với bất cứ tính chất nào, để thu lệ phí hay nhận tín dụng, bao gồm cả đổi chác hoặc trao đổi, cho dù hành động hay dịch vụ đó được thực hiện như là một phần hoặc có liên quan đến việc mua bán vật liệu, hàng hóa, đồ vật hay đồ đạc; các khoản giảm giá, tiền thuê, tiền bản quyền, lệ phí, tiền hoa hồng, tiền lời cổ phần, và lợi nhuận thu được từ việc mua bán cổ phần và công khố phiếu, cho dù với ý định nào. "Tổng thu nhập" là tất cả các biên nhận, tiền mặt, tín dụng và tài sản thuộc bất cứ loại hay tính chất nào, không có bất cứ khoản khấu trừ nào từ đó do chi phí mua bán tài sản, chi phí sử dụng vật liệu, chi phí lao động hay dịch vụ, trả tiền lời hay trả nợ, hoặc các thua lỗ hay chi phí khác.

i. "**Nhà sản xuất**" nghĩa là người tham gia sản xuất, sơ chế, phổ biến hoặc tích lũy cần sa hay sản phẩm cần sa trực tiếp hay gián tiếp hoặc bằng phương pháp chiết xuất, hoặc độc lập bằng phương tiện tổng hợp hóa chất, hoặc kết hợp cả phương pháp chiết xuất và tổng hợp hóa chất.

j. "**Người**" có nghĩa là, không có giới hạn, bất kỳ cá nhân, công ty, đối tác, liên doanh, liên kết, công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn, di sản, tín quỹ, tín quỹ thương mại, thủ quỹ, nghiệp đoàn hoặc bất kỳ nhóm hoặc tập hợp nào hoạt động như một đơn vị và bao gồm cả số ít và số nhiều.

k. "**Viên Chức Điều Hành Thuế Vụ**" nghĩa là giám đốc dịch vụ hành chánh và tài chánh của Thành Phố Mountain View hoặc người kế nhiệm hoặc người được chỉ định.

ĐOẠN 43.4. Thuế kinh doanh cần sa.

a. Thuế kinh doanh cần sa được áp dụng với mọi thương nghiệp cần sa hoạt động trong thành phố với phân suất hàng năm tối đa là chín phần trăm (9%) tổng thu nhập.

b. Hội đồng thành phố có toàn quyền, bằng quyết nghị, áp dụng thuế suất thấp hơn mức tối đa được xác lập trong tiểu đoạn a. của đoạn này đối với tất cả mọi người tham gia kinh doanh cần sa trong thành phố. Hội đồng thành phố có thể, bằng quyết nghị, tăng hay giảm thuế suất đó theo thời gian, với điều kiện thuế suất không vượt quá thuế suất tối đa được xác lập trong tiểu đoạn a. của đoạn này tại bất kỳ thời điểm nào. Hội đồng thành phố cũng có thể xác lập thuế suất khác nhau đối với cần sa dựa trên việc cần sa được bán cho mục đích giải trí hay y tế.

ĐOẠN 43.5. Trách nhiệm trả thuế.

Thuế kinh doanh cần sa sẽ áp dụng cho mọi người tham gia các hoạt động kinh doanh cần sa phải chịu thuế theo chương này và họ phải trả thuế này cho dù có bất kỳ điều khoản miễn thuế, ưu đãi hay giảm thuế khác trong bộ luật này, ngoại trừ nếu được yêu cầu theo luật tiểu bang hoặc liên bang. Nếu không nộp thuế, người dân đóng thuế sẽ phải chịu các mức phạt, lãi suất và thẩm định thuế như được quy định trong chương này và thành phố có thể sử dụng bất kỳ và tất cả biện pháp thực thi luật khác được nêu trong bộ luật hoặc luật công lý để thực thi chương này. Không có điều khoản nào trong bộ luật này có thể được hiểu là giảm thuế suất được xác lập trong chương này hay giảm thuế phải trả dưới đây trừ khi có điều khoản quy định rõ việc giảm thuế đó.

ĐOẠN 43.6. Nộp thuế không có nghĩa là cho phép hoạt động.

Thuế kinh doanh cần sa được ban hành chỉ cho các mục đích được nêu và không dành cho quy định nào khác. Việc nộp thuế theo chương này không có nghĩa là cho phép việc thực hiện hay tiến tiếp tục thực hiện mọi hoạt động kinh doanh bất hợp pháp hoặc hoạt động kinh doanh hợp pháp theo cách bất hợp pháp. Không có điều khoản nào trong chương này cho phép hay ngụ ý về sự hợp pháp của bất kỳ hoạt động nào liên quan đến phân phối hay sở hữu cần sa trừ khi

được ủy quyền và cho phép trong khi tuân thủ chặt chẽ và nghiêm túc theo bộ luật này. Không có điều khoản nào trong chương này nên được áp dụng hay được hiểu là cho phép bán cần sa.

ĐOẠN 43.7. Thuế kinh doanh cần sa không phải là thuế buôn bán.

Thuế được quy định trong chương này là thuế áp dụng đối với đặc quyền thực hiện kinh doanh trong thành phố. Đây không phải là thuế buôn bán hay thuế sử dụng.

ĐOẠN 43.8. Nộp tờ khai thuế và chuyển tiền thuế.

Thuế sẽ đến hạn và phải nộp như sau:

a. Mỗi người nợ thuế theo chương này phải, vào hoặc trước ngày cuối cùng của tháng sau khi kết thúc mỗi quý dương lịch, hoặc khi kết thúc kỳ báo cáo như được ấn định bởi viên chức điều hành thuế vụ, gửi tờ khai thuế cho viên chức điều hành thuế vụ, bằng mẫu đơn do viên chức điều hành thuế vụ cung cấp, để nêu rõ khoản thuế còn nợ trong quý trước và cơ sở tính thuế. Người nợ thuế phải chuyển tiền nộp thuế cho viên chức điều hành thuế vụ khi đến hạn nộp tờ khai thuế, cho dù tờ khai thuế đã được nộp theo yêu cầu hay chưa.

b. Tờ khai thuế và tiền thuế đối với tất cả các khoản thuế, phí, tiền phạt và tiền lãi còn nợ thành phố sẽ ngay lập tức đến hạn sau khi ngưng kinh doanh vì bất kỳ lý do gì.

c. Nếu viên chức điều hành thuế vụ nhận được tiền thuế, báo cáo, tờ khai, yêu cầu hay thông tin liên lạc khác sau thời gian được quy định trong đoạn này, nhưng trên phong bì được đóng dấu bưu điện vào hay trước ngày được quy định trong đoạn này, viên chức điều hành thuế vụ sẽ coi tiền thuế, báo cáo, tờ khai, yêu cầu hay thông tin liên lạc đó là đúng thời hạn. Nếu ngày đến hạn rơi vào thứ Bảy, Chủ Nhật hay ngày mà các văn phòng thành phố không hoạt động, ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc đầu tiên tiếp theo sau ngày đến hạn.

d. Trừ khi được quy định cụ thể khác trong chương này, thuế được áp dụng theo chương này sẽ bị coi là trễ hạn nếu không được nộp vào hay trước ngày đến hạn được nêu trong tiểu đoạn a. của đoạn này.

e. Viên chức điều hành thuế vụ không cần phải gửi một thông báo trễ hạn hay hóa đơn cho bất kỳ người nào chịu thuế hoặc lệ phí theo chương này và việc không gửi thông báo hay hóa đơn như vậy sẽ không làm ảnh hưởng đến tính hiệu lực của bất kỳ loại thuế, lệ phí, tiền lãi hay tiền phạt nào phải nộp theo chương này.

Đoạn 43.9. Hoàn thuế.

Sẽ không có khoản hoàn thuế nào từ tiền thuế đã thu chiếu theo chương này trừ khi được quy định trong đoạn này.

a. Sẽ không khoản hoàn thuế từ tiền đã thu chiếu theo chương này do ngừng hoạt động, giải thể hay chấm dứt kinh doanh cần sa khác.

b. Bất kỳ người nào được hoàn thuế đối với thuế đã nộp theo chương này đều có thể lựa chọn coi khoản hoàn thuế đó là tín dụng thuế để sử dụng cho trách nhiệm trả thuế trong tương lai đối với thuế được quy định trong chương này.

c. Nếu thuế, phí, tiền phạt hoặc tiền lãi theo chương này đã bị nộp thừa, nộp nhiều hơn một lần hay nộp nhầm hay thu nhầm hay phi pháp bởi thành phố, khoản tiền đó sẽ được hoàn lại cho người đã nộp thuế sau khi nộp đơn khiếu nại xin hoàn thuế cho viên chức điều hành thuế vụ trong vòng ba (3) năm kể từ ngày nộp thuế. Khiếu nại phải được thực hiện bằng mẫu đơn do viên chức điều hành thuế vụ quy định.

d. Viên chức điều hành thuế vụ có thể kiểm tra và thanh tra tất cả sổ sách và hồ sơ kinh doanh của người đứng đơn để xác định tính hợp lệ của khoản hoàn thuế được khiếu nại. Sẽ không có khiếu nại hoàn thuế nào được phép nếu người đứng đơn từ chối cho phép kiểm tra sổ sách và hồ sơ kinh doanh của người đứng đơn.

e. Số tiền bị nộp nhầm theo chương này do lỗi của thành phố phải được hoàn lại toàn bộ cho người đứng đơn sau khi có khiếu nại kịp thời. Nếu lỗi do người đứng đơn, thành phố có thể giữ lại một khoản theo nghị quyết của hội đồng thành phố tùy từng thời điểm đủ để chi trả chi phí xử lý khiếu nại của thành phố và hoàn thuế đối với phần còn lại.

ĐOẠN 43.10. Quản trị thuế.

a. Viên chức điều hành thuế vụ có trách nhiệm thu thuế, tiền phạt, lệ phí và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của chương này.

b. Viên chức điều hành thuế vụ có thể, theo thời gian, ban hành hướng dẫn hành chánh phù hợp với mục đích, ý định và điều khoản của chương này nếu viên chức điều hành thuế vụ thấy điều đó là cần thiết để thực thi hay làm rõ hay hỗ trợ thực thi chương này. Bản sao hướng dẫn hành chánh đó phải được trình nộp để kiểm tra công khai trong văn phòng viên chức điều hành thuế vụ và được đăng tải lên trang web của thành phố.

c. Viên chức điều hành thuế vụ có thể thực hiện các hành động hành chánh đó, nếu cần, để quản lý thuế, bao gồm nhưng không hạn chế bởi:

1. Cung cấp thông tin cho (nhưng) người chịu thuế theo chương này;

2. Tiếp nhận và lưu hồ sơ tất cả thuế được nộp cho thành phố như quy định trong chương này;

3. Duy trì hồ sơ gồm báo cáo của (những) người đóng thuế và tiền thuế thu được chiếu theo chương này;

4. Thẩm định các khoản tiền phạt và tiền lãi đối với người chịu thuế chiếu theo chương này;

5. Xác định số tiền còn nợ và thực hiện thu tiền chiếu theo chương này; và

6. Thực hiện các bước hợp lý khác nếu viên chức điều hành thuế vụ cho là cần thiết và phù hợp để thực thi chương này.

ĐOẠN 43.11. Hình phạt và lãi suất.

a. **Trễ hạn nộp thuế lần đầu.** Bất kỳ người nào phải nộp thuế nhưng không chuyển tiền nộp thuế được quy định trong chương này trong khoảng thời gian yêu cầu sẽ phải trả tiền phạt là mười (10) phần trăm số tiền thuế bên cạnh số tiền thuế.

b. **Tiếp tục trễ hạn nộp thuế.** Bất kỳ người nào phải nộp thuế nhưng không chuyển trả các khoản thuế trễ hạn vào hay trước thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày đầu tiên thuế bị coi là trễ hạn sẽ phải trả mức phạt trễ hạn thứ hai là mười (10) phần trăm số tiền thuế bên cạnh số tiền thuế và mức phạt mười (10) phần trăm cho lần trễ hạn đầu tiên.

c. **Gian lận.** Nếu viên chức điều hành thuế vụ xác định rằng việc không nộp các khoản thuế đến hạn theo chương này do gian lận, thì một khoản tiền phạt tương đương hai lăm (25) phần trăm tiền thuế sẽ được cộng vào số tiền phạt được quy định trong tiểu mục a. và b. của đoạn này.

d. **Tiền lãi.** Ngoài các khoản phí phạt, bất kỳ người tham gia kinh doanh cần sa nào không nộp bất kỳ khoản thuế nào được đánh theo chương này sẽ phải trả lãi suất ở mức một (1) phần trăm một tháng, hoặc ít hơn, trên số tiền thuế, ngoại trừ phí phạt, phải nộp kể từ ngày mà khoản thuế phải nộp đó bắt đầu trở thành quá hạn cho đến khi được trả.

e. **Tiền phạt cộng với thuế.** Mỗi khoản tiền phạt áp dụng và lãi suất được tích lũy theo các điều khoản của đoạn này sẽ trở thành một phần của tiền thuế phải nộp.

ĐOẠN 43.12. Không thu được thuế và báo cáo thuế - Xác định thuế của viên chức điều hành thuế vụ.

Nếu bất kỳ người nào phải nộp thuế nhưng không hoặc từ chối thu khoản thuế nói trên và trong thời hạn được quy định trong chương này, không báo cáo và không nộp thuế hay bất kỳ phần thuế nào theo quy định của chương này thì viên chức điều hành thuế vụ sẽ tiến hành theo cách thức mà họ cho là tốt nhất để thu thập các sự kiện và thông tin làm căn cứ cho ước tính thuế phải nộp. Ngay khi viên chức điều hành thuế vụ có được các sự kiện và thông tin làm căn cứ cho thẩm định thuế được áp dụng theo chương này mà người chịu thuế phải trả nhưng không hoặc từ chối báo cáo cũng như nộp, họ sẽ tiến hành xác định và thẩm định lại khoản thuế, lãi suất và phí phạt đối với người đó theo quy định của chương này.

Trong trường hợp xác định được, viên chức điều hành thuế vụ sẽ đưa ra thông báo về số tiền thuế được thẩm định bằng cách đích thân gửi đi hoặc ký thác cho bưu điện Hoa Kỳ, với bưu phí trả trước, đến thương nghiệp cần sa được thẩm định với địa chỉ cuối cùng được biết của người cung cấp dịch vụ đó. Trong vòng mười (10) ngày sau khi nhận thông báo nêu trên, thương nghiệp cần sa có thể gửi văn bản ghi danh cho viên chức điều hành thuế vụ xin được điều trần về số tiền thuế được thẩm định. Nếu thương nghiệp cần sa không nộp đơn xin điều giải trong thời hạn quy định, thuế, lãi suất và phí phạt, nếu có, được xác định bởi viên chức điều hành thuế vụ, sẽ là kết quả cuối cùng và chung cuộc và ngay lập tức đến hạn và phải trả. Nếu đơn xin được nộp, viên chức điều hành thuế vụ, trong vòng tối đa năm ngày, phải đưa ra văn bản thông báo theo cách thức được quy định tại đây cho thương nghiệp cần sa để trình bày về lý do, tại thời điểm và địa điểm được ghi trong thông báo, tại sao số tiền được nêu tại đây lại được ấn định bao gồm tiền thuế, lãi suất và phí phạt như vậy. Tại phiên điều giải phân xử, người tham gia kinh doanh cần sa có thể xuất hiện và cung cấp bằng chứng tại sao tiền thuế, lãi suất và phí phạt lại không nên được ấn định như vậy. Sau phiên điều trần, viên chức điều hành thuế vụ sẽ xác định số tiền thuế phù hợp phải nộp và sau đó sẽ gửi văn bản thông báo cho người đó theo cách thức được trình bày phía trên về quyết định đó cũng như tổng số tiền thuế và tiền phạt tương ứng. Quyết định của viên chức điều hành thuế vụ được coi là có tính chung cuộc trừ khi người chịu thuế nộp kháng cáo trước hội đồng điều giải kháng cáo trong khoảng thời gian được quy định trong Đoạn 43.13.

ĐOẠN 43.13. Kháng cáo trước hội đồng điều giải kháng cáo.

a. Nếu nguyên cáo hoặc người được cấp phép không hài lòng với văn bản quyết định của viên chức điều hành thuế vụ, họ có thể nộp kháng cáo cho hội đồng điều giải kháng cáo.

b. Kháng cáo phải được thực hiện bằng mẫu đơn do hội đồng điều giải kháng cáo cung cấp và được hội đồng điều giải kháng cáo nhận trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định của viên chức điều hành thuế vụ.

c. Điều giải kháng cáo phải được thực hiện trên cơ sở các quy tắc và quy định của hội đồng điều giải kháng cáo như được nêu trong hướng dẫn hành chánh.

d. Văn bản quyết định của hội đồng điều giải kháng cáo có tính chung cuộc khi được tống đạt cho người đứng đơn và là quyết định cuối cùng của thành phố, và được đánh giá tư pháp theo Đoạn 1094.5 của Bộ Luật Thể Thức Dân Sự.

ĐOẠN 43.14. Thanh tra.

Viên chức điều hành thuế vụ có quyền thanh tra hồ sơ của các thương nghiệp chịu phí đăng ký và thuế môn bài để bảo đảm sự tuân thủ với chương này. Các thương nghiệp cần sa phải lưu hồ sơ kinh doanh trong khoảng thời gian ba (3) năm kể từ thời điểm kết thúc mỗi năm dương lịch, và phải cho phép thành phố sử dụng hồ sơ đó, khi có thông báo thích hợp và tại thời điểm mà đôi bên đã đồng thuận, để theo dõi sự tuân thủ các yêu cầu của chương này. Nếu thương nghiệp cần sa không duy trì hay lưu giữ hồ sơ đầy đủ về tổng thu nhập và tài liệu hỗ trợ hoặc không cho phép thành phố có quyền tiếp cận hợp lý với những hồ sơ đó, tính toán của thành phố về thuế cần sa sẽ được coi là chính xác, nếu không có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục khác.

ĐOẠN 43.15. Hành động thu thuế.

Bất kỳ khoản thuế nào phải trả theo các điều khoản của chương này sẽ được coi là một khoản nợ thành phố. Bất kỳ người nào nợ tiền thành phố theo các điều khoản của chương này sẽ phải chịu trách nhiệm trong vụ kiện dưới danh nghĩa Thành Phố Mountain View để thu hồi khoản nợ đó. Các điều khoản của đoạn này không được coi là giới hạn quyền hạn của thành phố trong việc thực hiện bất kỳ vụ kiện nào khác, bao gồm hình sự, dân sự và tố tụng phù hợp, dựa trên việc không nộp thuế, tiền phạt và/hoặc lệ phí phải nộp theo chương này hoặc không tuân thủ chương này.

ĐOẠN 43.16. Phân chia trách nhiệm.

Nếu một thương nghiệp cần sa đang hoạt động ở trong và ngoài thành phố, ý định của thành phố đối với việc áp dụng thuế kinh doanh cần sa là dự luật thuế phải phản ánh công bằng quy mô của hoạt động bị đánh thuế đang thực tế diễn ra trong thành phố. Nếu luật pháp tiểu bang hoặc liên bang yêu cầu bất kỳ thuế nào đến hạn của bất kỳ người nào chịu thuế phải được phân chia, người đó có thể thể hiện phân chia này trên tờ khai thuế của họ. Viên chức điều hành thuế vụ có thể ban hành thủ tục hành chánh về việc phân chia đó nếu thấy việc này cần thiết hoặc hữu ích.

ĐOẠN 43.17. Nhất quán với thuế môn bài kinh doanh.

Hội đồng thành phố của Thành Phố Mountain View có ý định thi hành chương này sao cho bảo đảm sự nhất quán với Chương 36 của bộ luật này và các quy định hoặc quy tắc khác được ban hành theo chương đó, trừ khi được quy định ngược lại trong chương này.

ĐOẠN 43.18. Tính hợp hiến và hợp pháp; Không phải là thuế buôn bán; giới hạn Gann.

a. Thuế này được áp dụng sao cho bảo đảm sự phù hợp với hiến chương thành phố, luật pháp tiểu bang, Hiến Pháp California và Hoa Kỳ. Thuế này không được áp dụng để tạo ra gánh nặng quá mức cho thương mại liên bang, vi phạm các điều khoản về thủ tục pháp lý và bảo vệ của Hiến Pháp Tiểu Bang California hoặc Hoa Kỳ, hay vi phạm bất kỳ điều khoản nào khác của luật hiện hành.

b. Thuế được áp dụng theo điều khoản này là thuế môn bài đối với đặc quyền tham gia hoạt động cần sa thương mại trong thành phố. Đây không phải là thuế sử dụng hay buôn bán và không nên được tính toán hay thẩm định như thuế sử dụng hay buôn bán. Tuy nhiên, tùy theo lựa chọn của thương nghiệp cần sa thương mại, thuế có thể được xác định riêng trên hóa đơn, biên nhận hoặc bằng chứng giao dịch khác.

c. Chiếu theo Điều Khoản XIII B của Hiến Pháp California, giới hạn phân chia của thành phố sau đây được tăng lên mức tối đa trong khoảng thời gian tối đa được cho phép theo luật định với số thu nhập từ khoản thuế.

Đoạn 2. Tu chính. Đến phạm vi tối đa được cho phép theo Điều Khoản XIII C của Hiến Pháp California, Sắc Lệnh này có thể được Thành Phố tu chính mà không cần lá phiếu của người dân, trừ khi sự phê duyệt của cử tri là bắt buộc đối với các tu chính:

a. Tăng thuế, như được định nghĩa trong Đoạn 53750(h) của Bộ Luật Chính Quyền, cao hơn mức được cho phép theo chương này;

b. Thay đổi tuyên bố mục tiêu trong Đoạn 43.2,

Đoạn 3. Hiệu lực từng phần. Nếu bất kỳ đoạn, câu, mệnh đề, cụm từ, hoặc một phần nào của Sắc Lệnh này vì bất kỳ lý do nào bị coi là vô hiệu hoặc bất khả thi bởi một tòa án có thẩm quyền pháp lý, thì các đoạn, câu, điều khoản, cụm từ hoặc phần còn lại của Sắc Lệnh này vẫn có toàn bộ hiệu lực và tác dụng. Sau đây Hội Đồng Thành Phố của Thành Phố Mountain View tuyên bố rằng họ vẫn sẽ thông qua mỗi đoạn, câu, mệnh đề, cụm từ, hoặc phần của Sắc Lệnh này, bất kể thực tế là bất kỳ một (1) hoặc nhiều đoạn, câu, mệnh đề, cụm từ, hoặc các phần của

Sắc Lệnh này bị tuyên bố vô hiệu hoặc bất khả thi và, do đó, các điều khoản của Sắc Lệnh này có tính hiệu lực từng phần.

Đoạn 4. Yêu Cầu của Đạo Luật Chất Lượng Môi Trường California. Sắc Lệnh này được miễn tuân thủ Đạo Luật Chất Lượng Môi Trường California (CEQA) và Đoạn 21000 *và tiếp theo* của Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng do việc ban hành Sắc Lệnh này không có khả năng gây ra ảnh hưởng lớn đến môi trường (§ 21065 Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng; §§ 15378(b)(4), 15061(b)(3) Hướng Dẫn CEQA) và do Sắc Lệnh liên quan đến việc phê duyệt cho phép sử dụng thu nhập của chính quyền để tài trợ cho các dịch vụ hiện tại (tiểu phần (b) (8), § 21080, Bộ Luật Tài Nguyên Công Cộng; § 15273(a)(4) Hướng Dẫn CEQA). Việc này không khiến bất kỳ hoạt động thương mại nào trở thành hợp pháp hay cam kết rằng Thành Phố tài trợ cho bất kỳ hoạt động cụ thể nào.

Đoạn 5. Ngày Có Hiệu Lực. Sắc Lệnh này sẽ có hiệu lực sau mười (10) ngày sau khi sự phê duyệt của cử tri tại cuộc bầu cử được chứng nhận chiếu theo Đoạn 9217 của Bộ Luật Bầu Cử, hoặc khi thương nghiệp cần sa được Hội Đồng Thành Phố cho phép sử dụng đất hợp pháp.

Đoạn 6. Chứng nhận; Công bố. Ngay sau khi được cử tri thông qua, Lục Sự Thành Phố sẽ chứng nhận việc thông qua và ban hành Sắc Lệnh này và sẽ công khai nó theo luật định.

Đoạn 7. Thực Thi Sắc Lệnh. Người Dân Thành Phố Mountain View sau đây ủy quyền cho Thị Trưởng và Lục Sự Thành Phố của Thành Phố thực thi Sắc Lệnh này như được thông qua vào kỳ bầu cử được tổ chức vào ngày 6 tháng Mười Một, 2018.

KB/5/ORD
015-06-26-18o-E